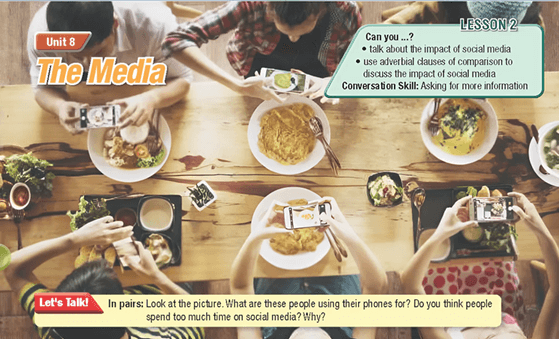
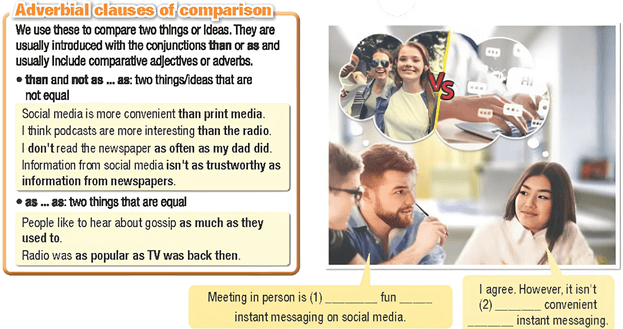
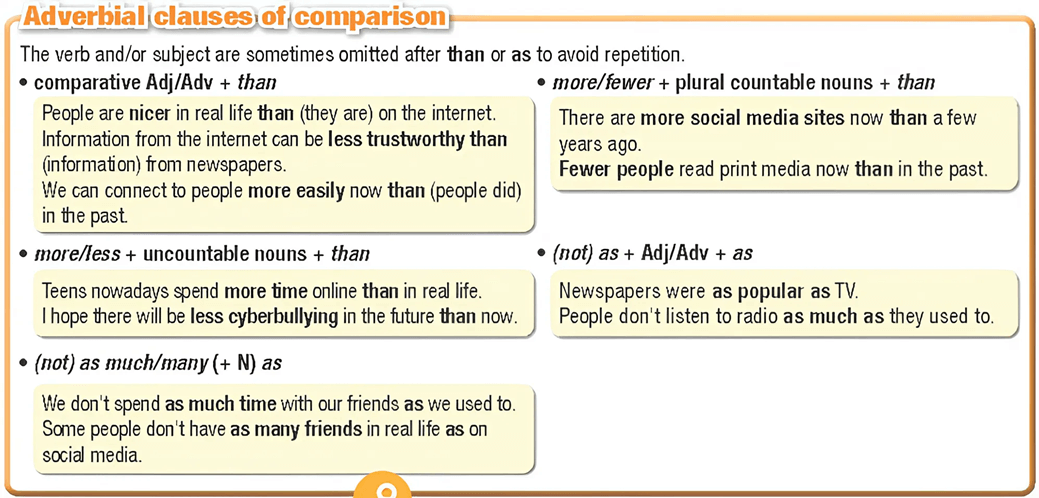
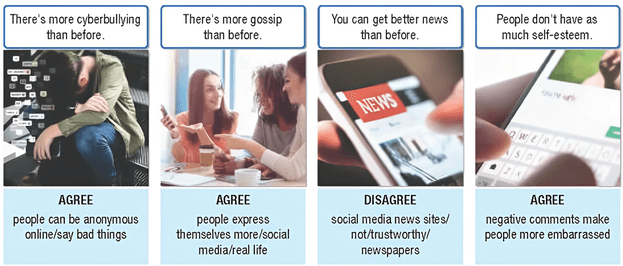
# Unit 8 Lesson 2 (trang 89, 90, 91, 92)

**Tiếng Anh lớp 12 Unit 8 Lesson 2** **(trang 89, 90, 91, 92) - ILearn Smart World**  
**Let's Talk! (trang 89 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
In pairs: Look at the picture. What are these people using their phones for? Do you think people spend too much time on social media? Why? (Theo cặp: Quan sát tranh. Những người này sử dụng điện thoại của họ để làm gì? Bạn có nghĩ mọi người dành quá nhiều thời gian cho mạng xã hội không? Tại sao?)  
  
**Gợi ý:**  
- They are using their phones to take photos of dishes at a party.  
- Yes, people spend too much time on social media due to its addictive nature, driven by the constant stream of novel content, social validation through likes and comments, and the fear of missing out on updates from their social circle.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Họ đang sử dụng điện thoại để chụp ảnh các món ăn trong một bữa tiệc.  
- Có, mọi người dành quá nhiều thời gian trên mạng xã hội do tính chất gây nghiện của nó, được thúc đẩy bởi dòng nội dung mới lạ liên tục, sự xác nhận của xã hội thông qua lượt thích và bình luận cũng như nỗi sợ bỏ lỡ các cập nhật từ mạng xã hội.  
  
**New Words (phần a->c trang 89 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the sentences and match the underlined words with the definitions. Listen and repeat.** (Đọc các câu và nối các từ được gạch chân với các định nghĩa. Lắng nghe và lặp lại.)  
  
  
  
  
1. Some teenagers today have negative body images, lower , and feel worse about themselves.  
  
  
1 - d  
  
  
a. not giving a name   
  
  
  
  
2. "You should yourself more! 'Dance like no one is watching! Sing like no one is listening!'" – William W. Purkey  
  
  
   
  
  
b. stories about other people's fives, which may be unkind or untrue  
  
  
  
  
3. The problem with is that people can get hurt anytime they use the internet.  
  
  
   
  
  
c. shy, uncomfortable, or guilty feelings  
  
  
  
  
4. You can often be completely online. You don't have to worry about people knowing who is saying what.  
  
  
   
  
  
d. belief and confidence in your own ability and value  
  
  
  
  
5. My sister loves hearing about celebrity . She likes to hear what people are doing and who is dating who.  
  
  
   
  
  
e. using messages on social media, emails, etc. to hurt someone's feelings  
  
  
  
  
6. "You shouldn't feel any . You played well, and I'm sure you will win next time."   
  
  
   
  
  
f. speak, write, a communicate in some other way what you think or feel  
  
  
  
  
7. "You shouldn't read news from that page. Their information isn't ."  
  
  
   
  
  
g. that you can rely on to be good and honest  
  
  
  
  
CD2-37  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. d  
  
  
2. f  
  
  
3. e  
  
  
4. a  
  
  
5. b  
  
  
6. c  
  
  
7. g  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Một số thanh thiếu niên ngày nay có những hình ảnh tiêu cực về cơ thể, thấp hơn và cảm thấy tồi tệ hơn về bản thân.  
2. "Bạn nên bản thân nhiều hơn! 'Hãy nhảy như không có ai đang xem! Hát như không có ai đang nghe!'" - William W. Purkey  
3. Vấn đề của là mọi người có thể bị tổn thương bất cứ lúc nào họ sử dụng internet.  
4. Bạn thường có thể hoàn toàn khi trực tuyến. Bạn không cần phải lo lắng về việc mọi người biết ai đang nói gì.  
5. Em gái tôi thích nghe về người nổi tiếng. Em ấy thích nghe xem mọi người đang làm gì và ai đang hẹn hò với ai.  
6. "Bạn không nên cảm thấy . Bạn đã chơi rất tốt và tôi chắc chắn rằng lần sau bạn sẽ thắng."  
7. ''Bạn không nên đọc tin tức từ trang đó. Thông tin trên đó không ."  
a. không nêu tên  
b. những câu chuyện về cuộc sống của người khác, có thể không tử tế hoặc không đúng sự thật  
c. cảm giác nhút nhát, khó chịu hoặc tội lỗi  
d. niềm tin và sự tự tin vào khả năng và giá trị của chính bạn  
đ. sử dụng tin nhắn trên mạng xã hội, email, v.v. để làm tổn thương cảm xúc của ai đó  
f. nói, viết hoặc giao tiếp theo cách khác những gì bạn nghĩ hoặc cảm nhận  
g. mà bạn có thể dựa vào để trở nên tốt và trung thực  
**b. Add more phrases to the following list.** (Thêm nhiều cụm từ vào danh sách sau.)  
What people do on social media: post photos, watch videos, …  
**Gợi ý:**  
What people do on social media: post photos, watch videos, read news, speak with friends, comment on people’s posts, read about events.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Những việc mọi người làm trên mạng xã hội: đăng ảnh, xem video, đọc tin tức, nói chuyện với bạn bè, bình luận về bài đăng của mọi người, đọc về các sự kiện.  
**c. In pairs: Use the new words to talk about yourself or how you use social media.** (Theo cặp: Sử dụng các từ mới để nói về bản thân bạn hoặc cách bạn sử dụng mạng xã hội.)  
- I'm quite shy, so I find it hard to express myself. (Tôi khá nhút nhát nên khó thể hiện bản thân.)   
- I don't listen to gossip about other people on social media. I'm just not interested. (Tôi không nghe những lời bàn tán về người khác trên mạng xã hội. Tôi chỉ không quan tâm thôi.)  
**Gợi ý:**  
- I use social media to boost my self-esteem by sharing my achievements and connecting with supportive friends who provide positive feedback.  
- Despite the anonymity of some platforms, I'm cautious about cyberbullying and ensure to interact only with trustworthy individuals or groups.  
- While I enjoy sharing personal experiences online, I'm mindful of potential embarrassment and carefully curate what I post to maintain a positive image.  
- I participate in online discussions anonymously to express my opinions freely without fear of judgment or repercussions.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Tôi sử dụng mạng xã hội để nâng cao lòng tự trọng của mình bằng cách chia sẻ thành tích của mình và kết nối với những người bạn luôn ủng hộ, những người đưa ra phản hồi tích cực.  
- Bất chấp tính ẩn danh của một số nền tảng, tôi vẫn thận trọng với hành vi bắt nạt trên mạng và đảm bảo chỉ tương tác với các cá nhân hoặc nhóm đáng tin cậy.  
- Mặc dù tôi thích chia sẻ trải nghiệm cá nhân trực tuyến nhưng tôi cũng lưu ý đến khả năng có thể bị xấu hổ và cẩn thận lựa chọn những gì tôi đăng để duy trì hình ảnh tích cực.  
- Tôi tham gia các cuộc thảo luận trực tuyến một cách ẩn danh để tự do bày tỏ ý kiến của mình mà không sợ bị phán xét hoặc chịu hậu quả.  
  
**Listening (phần a->f trang 80 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. You will hear two students discussing the impact of social media. What do you think the speakers will talk about? Tick three.** (Bạn sẽ nghe hai sinh viên thảo luận về tác động của mạng xã hội. Bạn nghĩ họ sẽ nói về điều gì? Đánh dấu vào ba ý.)  
▪ how kind people are (mọi người tử tế thế nào)  
▪ shopping (mua sắm)  
▪ trustworthy information (thông tin đáng tin)  
▪ posting pictures (đăng ảnh)  
▪ planning events (lập kế hoạch sự kiện)  
**Đáp án:**  
Posting pictures, trustworthy information, how kind people are  
**Hướng dẫn dịch:**  
Đăng ảnh, thông tin đáng tin cậy, mọi người tử tế như thế nào  
**Nội dung bài nghe:**  
Kim: Hey, John, let's discuss the impact of social media.  
John: Okay, first point, people use social media more than they used to. Is this good or bad?  
Kim: It depends. People that use social media too much might worry about their body image. It can lower their self-esteem.  
John: Why do you think that?  
Kim: Because people only post great pictures of themselves, then other people compare themselves and feel a lot of embarrassment.  
John: Good point.  
Kim: But there are many positive things about using social media. It provides more information to people.  
John: Like what?  
Kim: Well some stuff like gossip about celebrities, or useful things like information on stores in your town.  
John: Good ideas. Next point, information on social media is more trustworthy than print media these days.  
Kim: I disagree.  
John: Really? Why?  
Kim: There's lots of fake news these days.  
John: Sure, it's not as trustworthy as print media or TV news. But information on social media is updated much faster than in print media. And if you choose a reliable website, it can still be trustworthy news.  
Kim: Okay, final point. Today, people are meaner on social media than in real life. I agree with that.  
John: Why?  
Kim: People post rude and mean things and stay anonymous on social media. Cyberbullying is a big problem now.  
John: That's true, but there are lots of nice things that people post on social media. You just have to be careful with the content you choose to watch or read.  
Kim: Yes, I guess people express themselves in different ways. And not everyone always agrees.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Kim: Này John, hãy cùng thảo luận về tác động của mạng xã hội nhé.  
John: Được thôi, ý đầu tiên, mọi người sử dụng mạng xã hội nhiều hơn trước đây. Điều đó tốt hay xấu?  
Kim: Còn tùy. Những người sử dụng mạng xã hội quá nhiều có thể lo lắng về hình ảnh cơ thể của họ. Nó có thể làm giảm lòng tự trọng của họ.  
John: Tại sao bạn nghĩ vậy?  
Kim: Bởi vì mọi người chỉ đăng những bức ảnh đẹp của bản thân, sau đó người khác sẽ so sánh chúng và cảm thấy rất xấu hổ.  
John: Ý hay.  
Kim: Nhưng có nhiều điều tích cực khi sử dụng mạng xã hội. Nó cung cấp thêm thông tin cho mọi người.  
John: Ví dụ như gì?  
Kim: À, một số thứ như tin đồn về người nổi tiếng hoặc những thứ hữu ích như thông tin về các cửa hàng trong thị trấn của bạn.  
John: Ý hay đấy. Ý tiếp theo, thông tin trên mạng xã hội ngày nay đáng tin cậy hơn báo in.  
Kim: Tôi không đồng ý.  
John: Thật á? Tại sao?  
Kim: Ngày nay có rất nhiều tin giả.  
John: Chắc chắn là nó không đáng tin cậy như báo in hay tin tức truyền hình. Nhưng thông tin trên mạng xã hội được cập nhật nhanh hơn nhiều so với báo in. Và nếu bạn chọn một trang web uy tín thì đó vẫn có thể là những tin tức đáng tin cậy.  
Kim: Được rồi, ý cuối cùng. Ngày nay, mọi người trên mạng xã hội ác ý hơn ngoài đời thực. Tôi đồng ý với điều đó.  
John: Tại sao?  
Kim: Mọi người đăng những điều thô lỗ và ác ý và ẩn danh trên mạng xã hội. Bắt nạt qua mạng hiện đang là một vấn đề lớn.  
John: Đúng vậy, nhưng có rất nhiều điều hay ho mà mọi người đăng lên mạng xã hội. Bạn chỉ cần cẩn thận với nội dung bạn chọn xem hoặc đọc.  
Kim: Ừ, tôi đoán mọi người thể hiện bản thân theo những cách khác nhau. Và không phải ai cũng luôn đồng ý.  
**b. Now, listen and circle the three things above that the students talk about. How many did you guess correctly?** (Bây giờ, hãy lắng nghe và khoanh tròn ba điều ở trên mà học sinh nói đến. Bạn đã đoán đúng bao nhiêu?)  
CD2-38  
**c. Listen again and fill in the blanks with no more than two words.** (Nghe lại và điền vào chỗ trống không quá hai từ.)  
1. Kim thinks that people worry about their \_\_\_\_\_\_\_\_ more now.  
2. She also thinks that social media is good for providing \_\_\_\_\_\_\_\_ to people.  
3. She says people can say anything on social media, and there's lots of \_\_\_\_\_\_\_\_.  
4. John thinks that information on social media is updated much \_\_\_\_\_\_\_\_.  
5. Kim thinks that people are \_\_\_\_\_\_\_\_ on social media than in real life these days.  
6. John thinks that people have to choose the right \_\_\_\_\_\_\_\_ to watch or read.  
CD2-38  
**Đáp án:**  
1. Kim thinks that people worry about their more now.  
2. She also thinks that social media is good for providing to people.  
3. She says people can say anything on social media, and there's lots of .  
4. John thinks that information on social media is updated much .   
5. Kim thinks that people are on social media than in real life these days.  
6. John thinks that people have to choose the right to watch or read.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Kim cho rằng hiện nay mọi người lo lắng hơn về hình ảnh cơ thể của mình.  
2. Cô ấy cũng cho rằng mạng xã hội rất tốt trong việc cung cấp thêm thông tin cho mọi người.  
3. Cô ấy nói mọi người có thể nói bất cứ điều gì trên mạng xã hội và có rất nhiều tin tức giả mạo.  
4. John cho rằng thông tin trên mạng xã hội được cập nhật nhanh hơn nhiều.  
5. Kim cho rằng ngày nay mọi người trên mạng xã hội xấu tính hơn ngoài đời thực.  
6. John cho rằng mọi người phải chọn đúng nội dung để xem hoặc đọc.  
**d. Read the Conversation Skill box, then listen and repeat.** (Đọc bảng Kỹ năng hội thoại, sau đó nghe và lặp lại.)  
  
  
  
  
  
**Conversation Skill**  
**Asking for more information**  
To ask someone to explain their idea, say:  
*Really? Why?*  
*Why do you think that?*  
  
  
  
  
  
CD2-39  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
  
**Kỹ năng hội thoại**  
**Hỏi thêm thông tin**  
Để yêu cầu ai đó giải thích ý của họ, hãy nói:  
*Really? Why? (Thật á? Tại sao?)*  
*Why do you think that? (Tại sao bạn nghĩ vậy?)*  
  
  
  
  
  
**e. Listen to the conversation again and number the phrases in the correct order.** (Nghe lại đoạn hội thoại và đánh số các cụm từ theo đúng thứ tự.)  
CD2-38  
**Đáp án:**  
2. Really? Why?   
1. Why do you think that?  
**Hướng dẫn dịch:**  
2. Thật á? Tại sao?  
1. Tại sao bạn nghĩ vậy?  
**f. In pairs: Which of the opinions in Task c do you agree or disagree with? Why?** (Theo cập: Bạn đồng ý hay không đồng ý với ý kiến nào trong Bài tập c? Tại sao?)  
**Gợi ý:**  
1. Kim's opinion about people being more worried about their body image due to social media is plausible. Because exposure to idealized body images on social media platforms can contribute to body dissatisfaction and negative body image perceptions.  
2. John's belief that information on social media is updated much faster is generally true. Social media platforms often serve as sources of real-time updates on news, events, and trends. However, the speed of updates does not necessarily correlate with the accuracy or reliability of the information.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Ý kiến của Kim về việc mọi người lo lắng hơn về hình ảnh cơ thể của họ do mạng xã hội là có lý. Bởi vì việc tiếp xúc với hình ảnh cơ thể lý tưởng hóa trên các nền tảng truyền thông xã hội có thể góp phần gây ra sự không hài lòng về cơ thể và nhận thức tiêu cực về hình ảnh cơ thể.  
2. Niềm tin của John rằng thông tin trên mạng xã hội được cập nhật nhanh hơn nhiều là đúng. Các nền tảng truyền thông xã hội thường đóng vai trò là nguồn cập nhật tin tức, sự kiện và xu hướng theo thời gian thực. Tuy nhiên, tốc độ cập nhật không nhất thiết tương quan với độ chính xác hoặc độ tin cậy của thông tin.  
  
**Grammar (phần a->e trang 90-91 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read about adverbial clauses of comparison, then fill in the blanks.** (Đọc về Mệnh đề trạng ngữ chỉ sự so sánh, sau đó điền vào chỗ trống.)  
  
**Đáp án:**  
- Meeting in person is fun instant messaging on social media.  
- I agree. However, it isn't convenient instant messaging.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Gặp mặt trực tiếp thú vị hơn nhắn tin tức thời qua mạng xã hội.  
- Tôi đồng ý. Tuy nhiên, nó không thuận tiện như nhắn tin tức thời.  
  
  
  
  
**Mệnh đề trạng ngữ chỉ sự so sánh**  
Chúng ta sử dụng mệnh đề trạng ngữ chỉ sự so sánh để so sánh hai sự vật hoặc ý tưởng. Chúng thường bắt đầu bằng các liên từ **than** hoặc **as** và thường bao gồm các tính từ hoặc trạng từ so sánh hơn.  
• **than** và **not as …** **as**: hai sự vật/ý tưởng không bằng nhau  
Social media is more convenient **than print media**. (Phương tiện truyền thông xã hội thuận tiện hơn phương tiện truyền thông in ấn.)  
I think podcasts are more interesting **than the radio**. (Tôi nghĩ podcast thú vị hơn đài phát thanh.)  
I don't read the newspaper **as often as my dad did**. (Tôi không đọc báo thường xuyên như bố tôi.)  
Information from social media **isn't as trustworthy as information from newspapers**. (Thông tin từ mạng xã hội không đáng tin cậy bằng thông tin từ báo chí.)  
• **as…as**: hai thứ bằng nhau  
People like to hear about gossip **as much as they used to**. (Mọi người vẫn thích nghe tin đồn nhiều như trước đây.)  
Radio was **as popular as TV was back then**. (Hồi đó đài phát thanh cũng phổ biến như tivi.)  
  
  
  
  
**b. Listen and check. Listen again and repeat.** (Nghe và kiểm tra. Nghe lại và lặp lại.)  
CD2-40  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Mệnh đề trạng ngữ chỉ sự so sánh**  
Động từ và/hoặc chủ ngữ đôi khi được lược bỏ sau **than** hoặc **as** để tránh lặp lại.  
  
  
  
  
**• Tính từ/trạng từ ở dạng so sánh hơn + than**  
   
People are **nicer** in real life **than** (they are) on the internet. (Mọi người ở ngoài đời thực tử tế hơn (họ) trên internet.)  
Information from the internet can be **less trustworthy than** (information) from newspapers. (Thông tin từ internet có thể kém tin cậy hơn (thông tin) từ báo chí.)  
We can connect to people **more easily** now **than** (people did) in the past. (Bây giờ chúng ta có thể kết nối với mọi người dễ dàng hơn (mọi người đã làm) trước đây.)   
  
  
**• more/fewer + danh từ đếm được số nhiều + than**  
There are **more social media sites** now **than** a few years ago. (Hiện nay có nhiều trang mạng xã hội hơn một vài năm trước.)  
**Fewer people** read print media now **than** in the past. (Hiện nay ít người đọc báo in hơn trước đây.)  
  
  
  
  
• **more/less + danh từ không đếm được + than**  
Teens nowadays spend **more time** online **than** in real life. (Thanh thiếu niên ngày nay dành nhiều thời gian trực tuyến hơn ngoài đời thực.)  
I hope there will be **less cyberbullying** in the future **than** now. (Tôi hy vọng trong tương lai sẽ ít bắt nạt trên mạng hơn bây giờ.)  
  
  
**• (not) as + Tính từ/trạng từ + as**  
Newspapers were **as popular as** TV. (Báo chí cũng phổ biến như tivi.)  
   
People don't listen to radio **as much as** they used to. (Mọi người không nghe đài phát thanh nhiều như trước kia.)  
  
  
  
  
• **(not) as much/many (+ N) as**  
We don't spend **as much time** with our friends as we used to. (Chúng ta không còn dành nhiều thời gian cho bạn bè như trước nữa.)  
Some people don't have **as many friends** in real life as on social media. (Một số người không có nhiều bạn bè ngoài đời như trên mạng xã hội.)  
  
  
   
  
  
  
  
**c. Choose the correct conjunctions.** (Chọn các liên từ đúng.)  
1. People aren't *as/than* kind on social media as they are in real life.  
2. Do you think its much easier to meet people in person *as/than* it used to be?  
3. Cyberbullying is more serious *as/than* it has ever been.  
4. I think online forums aren't *than/as* trustworthy as blogs and social media.  
5. People feel less embarrassed to do silly things on social media *as/than* in real life.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. as  
  
  
2. than  
  
  
3. than  
  
  
4. as  
  
  
5. than  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Mọi người trên mạng xã hội không tử tế như ngoài đời.  
2. Bạn có nghĩ việc gặp gỡ trực tiếp mọi người dễ dàng hơn nhiều so với trước đây không?  
3. Bắt nạt qua mạng đang nghiêm trọng hơn bao giờ hết.  
4. Tôi nghĩ các diễn đàn trực tuyến không đáng tin cậy bằng blog và mạng xã hội.  
5. Mọi người cảm thấy ít xấu hổ hơn khi làm những điều ngớ ngẩn trên mạng xã hội so với ngoài đời thực.  
**d. Choose the sentence that is closest in meaning to each of the following sentences.** (Chọn câu gần nghĩa nhất với mỗi câu sau.)  
1. People are more unkind on social media than in person.  
A. People are as unkind on social media as they are in person.  
B. People are as kind on social media as they are in person.  
C. People are kinder in person than on social media.  
2. It’s easier to be anonymous online than in person.   
A. Being anonymous online is easier than in person.  
B. Being anonymous online is as easy as in person.  
C. Being anonymous online isn't as easy as in person.  
3. It isn’t as easy to get advice in person as it is on social media.  
A. Getting advice in person is more difficult than on social media.  
B. Getting advice in person isn't as difficult as on social media.  
C. Getting advice on social media is as difficult as in person.  
4. People feel more embarrassed to express themselves in person than on social media.  
A. It’s less embarrassing expressing yourself in person than on social media.  
B. People don't like to express themselves on social media because they feel more embarrassed.  
C. Expressing yourself on social media isn't as embarrassing as in person.  
5. It's just as convenient to meet people in person as it is on social media.  
A. It’s less convenient to meet people on social media than in person.  
B. Meeting people on social media is as convenient as in person.  
C. Social media makes meeting people online more convenient than in person.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. C  
  
  
2. A  
  
  
3. A  
  
  
4. C  
  
  
5. B  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Mọi người không tử tế trên mạng xã hội hơn là ngoài đời thực.  
A. Mọi người đều không tử tế trên mạng xã hội cũng như ngoài đời thực.  
B. Mọi người đều tử tế trên mạng xã hội cũng như ngoài đời thực.  
C. Mọi người ở ngoài đời thực tử tế hơn trên mạng xã hội.  
2. Ẩn danh trực tuyến dễ dàng hơn ngoài đời.  
A. Ẩn danh trực tuyến dễ dàng hơn ngoài đời.  
B. Ẩn danh trực tuyến cũng dễ dàng như ngoài đời.  
C. Ẩn danh trực tuyến không dễ dàng như ngoài đời.  
3. Nhận lời khuyên trực tiếp không dễ như trên mạng xã hội.  
A. Nhận lời khuyên trực tiếp khó hơn trên mạng xã hội.  
B. Nhận lời khuyên trực tiếp không khó như trên mạng xã hội.  
C. Nhận lời khuyên trên mạng xã hội cũng khó như trực tiếp.  
4. Mọi người cảm thấy xấu hổ khi thể hiện bản thân ngoài đời hơn là trên mạng xã hội.  
A. Việc thể hiện bản thân ngoài đời sẽ ít xấu hổ hơn so với trên mạng xã hội.  
B. Mọi người không thích thể hiện bản thân trên mạng xã hội vì họ cảm thấy xấu hổ hơn.  
C. Thể hiện bản thân trên mạng xã hội không xấu hổ bằng ngoài đời.  
5. Gặp gỡ trực tiếp mọi người cũng thuận tiện như trên mạng xã hội.  
A. Gặp gỡ mọi người trên mạng xã hội sẽ kém thuận tiện hơn gặp trực tiếp.  
B. Gặp gỡ mọi người trên mạng xã hội cũng thuận tiện như gặp trực tiếp.  
C. Mạng xã hội giúp việc gặp gỡ mọi người trực tuyến thuận tiện hơn gặp mặt trực tiếp.  
**e. In pairs: Make sentences with adverbial clauses of comparison about different kinds of media.** (Theo cặp: Đặt câu với mệnh đề trạng ngữ chỉ sự so sánh về các loại phương tiện truyền thông khác nhau.)  
  
  
  
  
  
more ... than as ... as less ... than not as ... as  
  
  
  
  
  
It’s easier to learn new things online than it used to be. (Việc học những điều mới trực tuyến dễ dàng hơn trước đây.)  
**Gợi ý:**  
1. Podcasts are more convenient than radio shows when it comes to listening on the go.  
2. Watching movies on a big screen is as immersive as being in the theater.  
3. Reading a physical book is less straining on the eyes than staring at a screen for hours.  
4. Social media is not as reliable for news updates as traditional newspapers.  
5. Video games offer a more interactive experience than watching television.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Nghe podcast tiện lợi hơn nghe các chương trình đài phát thanh khi đang di chuyển.  
2. Xem phim trên màn hình lớn cũng mang lại cảm giác đắm chìm như đang ở rạp.  
3. Đọc sách in ít gây mỏi mắt hơn so với việc nhìn chằm chằm vào màn hình hàng giờ đồng hồ.  
4. Cập nhật tin tức thông qua phương tiện truyền thông xã hội không đáng tin cậy bằng báo in.  
5. Trò chơi điện tử mang lại trải nghiệm tương tác nhiều hơn xem tivi.  
  
**Pronunciation (phần a->d trang 91 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Focus on the** /ks/ **sound.** (Tập trung vào âm /ks/.)  
**b. Listen. Notice the sounds of the underlined letters.** (Nghe. Chú ý âm thanh của các chữ cái được gạch chân.)  
epress epert thin  
CD2-41  
**Hướng dẫn dịch:**  
express /ɪkˈspres/ (v): thể hiện  
expert /ˈek.spɜːt/ (n): chuyên gia  
thinks /θɪŋks/ (v): suy nghĩ  
**c. Listen and circle the words you hear.** (Hãy nghe và khoanh tròn những từ bạn nghe được.)  
1. max mask  
2. task tax  
3. desk decks  
CD2-42  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. mask  
  
  
2. tax  
  
  
3. desk  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. max /mæks/ (adj): tối đa  
 mask /mɑːsk/ (n): mặt nạ  
2. task /tɑːsk/ (n): nhiệm vụ  
 tax /tæks/ (n): thuế  
3. desk /desk/ (n): bàn  
 decks /deks/ (n): bộ bài  
**d. Take turns saying the words in Task c while your partner points to them.** (Lần lượt nói các từ trong Bài tập c trong khi bạn của bạn chỉ vào chúng.)  
  
**Practice (phần a->b trang 92 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Listen, then take turns asking and answering about the impact social media has had on the world.** (Hãy lắng nghe, sau đó lần lượt hỏi và trả lời về tác động của phương tiện truyền thông xã hội đối với thế giới.)  
CD2-43  
- What impact has social media had on people's lives? (Phương tiện truyền thông xã hội có tác động gì đến cuộc sống của mọi người?)   
- I think there's more cyberbullying than before. (Tôi nghĩ hiện có nhiều vụ bắt nạt trên mạng hơn trước.)  
- I agree. (Tôi đồng ý.)   
- Why do you think that? (Tại sao bạn nghĩ vậy?)  
- People can be anonymous online and say bad things. (Mọi người có thể ẩn danh trên mạng và nói những điều không hay.)  
  
**Gợi ý:**  
A: There's more cyberbullying than before.  
B: I agree with you, A. The anonymity afforded by online platforms emboldens people to say hurtful things they might not say face-to-face. It's concerning how easily individuals can hide behind screens and inflict emotional harm on others.  
A: There's more gossip than before.  
B: Absolutely, A. Social media has amplified the spread of gossip exponentially. With the click of a button, personal details and rumors can reach a global audience, causing unnecessary drama and harm to individuals' reputations.  
A: You can get better news than before.  
B: Actually, A, I disagree. While social media offers a vast array of information, the credibility of many news sources on these platforms is questionable. Unlike traditional newspapers, which uphold journalistic standards and fact-checking, social media news sites often prioritize sensationalism over accuracy.  
A: People don't have as much self-esteem.  
B: I agree with you, A. Negative comments and comparisons on social media can significantly impact individuals' self-esteem. The pressure to maintain a perfect online image and the fear of judgment from others can lead to feelings of inadequacy and embarrassment. It's crucial to promote positivity and support on social media platforms to combat this issue.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Hiện có nhiều vụ bắt nạt trên mạng hơn trước.  
B: Tôi đồng ý với bạn, A. Tính năng ẩn danh mà các nền tảng trực tuyến mang lại khuyến khích mọi người nói những điều gây tổn thương mà họ có thể không nói trực tiếp. Nó liên quan đến việc các cá nhân có thể dễ dàng ẩn nấp sau màn hình và gây tổn hại về mặt tinh thần cho người khác như thế nào.  
A: Có nhiều tin đồn hơn trước.  
B: Chắc chắn rồi, A. Mạng xã hội đã khuếch đại sự lan truyền của tin đồn theo cấp số nhân. Chỉ với một cú nhấp chuột, thông tin cá nhân và tin đồn có thể tiếp cận khán giả toàn cầu, gây ra những câu chuyện không cần thiết và gây tổn hại đến danh tiếng của cá nhân.  
A: Bạn có thể nhận được tin tức tốt hơn trước.  
B: Thật ra, A, tôi không đồng ý. Mặc dù phương tiện truyền thông xã hội cung cấp một lượng lớn thông tin, nhưng độ tin cậy của nhiều nguồn tin tức trên các nền tảng này vẫn còn nhiều nghi vấn. Không giống như các tờ báo truyền thống đề cao các tiêu chuẩn báo chí và kiểm tra tính chân thật, các trang tin tức trên mạng xã hội thường ưu tiên tính giật gân hơn tính chính xác.  
A: Mọi người không có nhiều lòng tự trọng.  
B: Tôi đồng ý với bạn, A. Những bình luận và so sánh tiêu cực trên mạng xã hội có thể tác động đáng kể đến lòng tự trọng của mỗi cá nhân. Áp lực phải duy trì một hình ảnh hoàn hảo trên mạng và nỗi sợ bị người khác phán xét có thể dẫn đến cảm giác thiếu tự ti và xấu hổ. Điều quan trọng là phải phát huy sự tích cực và hỗ trợ trên các nền tảng truyền thông xã hội để giải quyết vấn đề này.  
**b. Practice with your own ideas.** (Luyện tập với ý của riêng bạn.)  
**Gợi ý:**  
A: Hey B, have you noticed how much concern there is about privacy and security with the widespread use of social media?  
B: Absolutely, A. It seems like every other day, there's news about data breaches or privacy violations on social media platforms.  
A: It's pretty alarming, isn't it? I mean, we share so much personal information online without really thinking about the potential consequences.  
B: Definitely. And it's not just about protecting our own privacy; it's also about the security of our data and how it's being used by these platforms and third-party companies.  
A: Right. I've read about how social media companies collect and analyze our data to target us with personalized ads. It's kind of unsettling to think about how much they know about us.  
B: It is. And there's also the issue of cybersecurity threats, like phishing scams and malware, that can compromise our accounts and personal information.  
A: It feels like we're constantly walking a tightrope between wanting to stay connected and informed and protecting our privacy and security online.  
B: Absolutely. It's a delicate balance, but I think there are steps we can take to mitigate these risks, like being more cautious about what we share online, using strong and unique passwords, and regularly reviewing our privacy settings.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Này B, bạn có nhận thấy có bao nhiêu lo ngại về quyền riêng tư và bảo mật khi mạng xã hội được sử dụng rộng rãi không?  
B: Chắc chắn rồi, A. Có vẻ như cách ngày đều có tin tức về vi phạm dữ liệu hoặc vi phạm quyền riêng tư trên các nền tảng truyền thông xã hội.  
A: Điều đó khá đáng báo động phải không? Ý tôi là, chúng ta chia sẻ quá nhiều thông tin cá nhân trực tuyến mà không thực sự nghĩ đến những hậu quả có thể xảy ra.  
B: Chắc chắn rồi. Và nó không chỉ nhằm bảo vệ quyền riêng tư của chúng ta; nó còn liên quan đến tính bảo mật dữ liệu của chúng ta và cách dữ liệu đó được các nền tảng này và các công ty bên thứ ba sử dụng.  
A: Đúng vậy. Tôi đã đọc về cách các công ty truyền thông xã hội thu thập và phân tích dữ liệu của chúng ta để nhắm mục tiêu đến chúng ta bằng quảng cáo được cá nhân hóa. Thật là đáng lo ngại khi nghĩ về việc họ biết bao nhiêu về chúng ta.  
B: Đúng vậy. Ngoài ra còn có vấn đề về các mối đe dọa an ninh mạng, như lừa đảo và phần mềm độc hại, có thể xâm phạm tài khoản và thông tin cá nhân của chúng ta.  
A: Có cảm giác như chúng ta đang liên tục gặp khó khăn giữa việc muốn duy trì kết nối và cập nhật thông tin cũng như việc bảo vệ quyền riêng tư và bảo mật trực tuyến của mình.  
B: Chắc chắn rồi. Đó là một sự cân bằng mong manh, nhưng tôi nghĩ có những bước chúng ta có thể thực hiện để giảm thiểu những rủi ro này, như thận trọng hơn về những gì chúng ta chia sẻ trực tuyến, sử dụng mật khẩu mạnh và khó đoán cũng như thường xuyên xem lại cài đặt quyền riêng tư của mình.  
  
**Speaking (phần a->c trang 92 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. You and your partner are discussing the impact of social media. In pairs: Read the quotes and discuss whether you agree or disagree with them. Give reasons for your opinions.** (Bạn và bạn của bạn đang thảo luận về tác động của phương tiện truyền thông xã hội. Theo cặp: Đọc các trích dẫn và thảo luận xem bạn đồng ý hay không đồng ý với chúng. Đưa ra lý do cho ý kiến của bạn.)  
"It’s much easier to share gossip than it used to be." ("Việc lan truyền tin đồn dễ dàng hơn nhiều so với trước đây.")   
"People aren't as kind on social media as in person." ("Mọi người không tử tế trên mạng xã hội như ngoài đời thực.")   
"People using social media feel better about themselves than they did before they started using it." ("Mọi người sử dụng mạng xã hội cảm thấy tốt hơn về bản thân họ so với trước khi họ bắt đầu sử dụng nó.")   
"It’s easier to meet people with common interests on social media than in person." ("Gặp gỡ những người có cùng sở thích trên mạng xã hội dễ dàng hơn là gặp trực tiếp.")  
"Getting information from social media is more convenient than from print media." ("Cập nhật thông tin từ phương tiện truyền thông xã hội thuận tiện hơn so với phương tiện truyền thông in ấn.")  
"Teens don't spend as much time with their friends now as they used to." ("Thanh thiếu niên bây giờ không dành nhiều thời gian với bạn bè như trước đây.")  
**Gợi ý:**  
A: "It's easier to meet people with common interests on social media than in person."  
B: I'd agree with that, to an extent. Social media definitely opens up a lot of opportunities to connect with people who share similar interests. You can join groups, follow hashtags, and engage in discussions with people from all over the world who are into the same things you are. It's a lot easier than trying to find those same people in your local area or through traditional means like clubs or events.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: "Gặp gỡ những người có cùng sở thích trên mạng xã hội dễ dàng hơn gặp mặt trực tiếp."  
B: Tôi đồng ý với trích dẫn trên ở một mức độ nào đó. Phương tiện truyền thông xã hội chắc chắn mở ra rất nhiều cơ hội để kết nối với những người có cùng sở thích. Bạn có thể tham gia các nhóm, theo dõi hashtag và tham gia thảo luận với những người từ khắp nơi trên thế giới có cùng sở thích với bạn. Việc này dễ dàng hơn nhiều so với việc cố gắng tìm những người đó ở khu vực địa phương của bạn hoặc thông qua các phương tiện truyền thống như câu lạc bộ hoặc sự kiện.  
**b. Join another pair. What other impacts of social media are there? Do you all agree?** (Tham gia một cặp khác. Có những tác động nào khác của phương tiện truyền thông xã hội? Tất cả các bạn có đồng ý không?)  
**Gợi ý:**  
A: What other impacts of social media are there?  
B: There are several impacts of social media that we should consider. One significant impact is its influence on mental health. Social media can contribute to feelings of inadequacy and anxiety as people compare their lives to others. Additionally, cyberbullying is a concerning issue, especially among young users. Privacy concerns and the spread of misinformation are also significant impacts that need to be addressed. Do you all agree with these points?  
A: Yes, I agree. I would also add that social media can contribute to the polarization of society by creating echo chambers and promoting fake news. Furthermore, it can have negative effects on relationships and productivity due to excessive use. These impacts highlight the need for greater awareness and regulation of social media platforms.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Có những tác động nào khác của mạng xã hội không?  
B: Có một số tác động của mạng xã hội mà chúng ta nên xem xét. Một tác động đáng kể là ảnh hưởng của nó đến sức khỏe tâm thần. Phương tiện truyền thông xã hội có thể góp phần gây ra cảm giác thiếu thốn và lo lắng khi mọi người so sánh cuộc sống của họ với người khác. Ngoài ra, bắt nạt qua mạng là một vấn đề đáng lo ngại, đặc biệt là với những người dùng trẻ tuổi. Những lo ngại về quyền riêng tư và sự lan truyền thông tin sai lệch cũng là những tác động đáng kể cần được giải quyết. Tất cả các bạn có đồng ý với những điểm này không?  
A: Có, tôi đồng ý. Tôi cũng muốn nói thêm rằng mạng xã hội có thể góp phần vào sự phân cực của xã hội bằng cách tạo ra các tiếng vang và quảng bá tin tức giả mạo. Hơn nữa, nó có thể có tác động tiêu cực đến các mối quan hệ và năng suất do sử dụng quá mức. Những tác động này nêu bật sự cần thiết phải nâng cao nhận thức và quản lý các nền tảng truyền thông xã hội.  
**c. Do you think social media's impact is positive or negative? Why?** (Bạn nghĩ tác động của mạng xã hội là tích cực hay tiêu cực? Tại sao?)  
- I think social media is more negative than positive. (Tôi nghĩ mạng xã hội tiêu cực hơn là tích cực.)   
- Why? (Tại sao?)  
- Because cyberbullying can really hurt people. (Bởi vì bắt nạt trên mạng thực sự có thể làm tổn thương mọi người.)  
**Gợi ý:**  
A: Do you think social media's impact is positive or negative? Why?  
B: That's a complex question, and I believe the impact of social media can be both positive and negative. On the positive side, social media has revolutionized communication, allowing people to connect with others around the world, share ideas, and mobilize for social change. It has also provided opportunities for businesses to reach a broader audience and for individuals to express themselves creatively. However, on the negative side, social media has been linked to various issues such as mental health problems, privacy concerns, and the spread of misinformation. It can also contribute to social isolation and addiction. So, while there are undeniable benefits to social media, we must also acknowledge and address its negative impacts.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Bạn nghĩ tác động của mạng xã hội là tích cực hay tiêu cực? Tại sao?  
B: Đó là một câu hỏi phức tạp và tôi tin rằng tác động của mạng xã hội có thể vừa tích cực vừa tiêu cực. Về mặt tích cực, mạng xã hội đã cách mạng hóa giao tiếp, cho phép mọi người kết nối với nhiều người khác trên khắp thế giới, chia sẻ ý tưởng và huy động để thay đổi xã hội. Nó cũng tạo cơ hội cho các doanh nghiệp tiếp cận đối tượng rộng hơn và cho các cá nhân thể hiện bản thân một cách sáng tạo. Tuy nhiên, về mặt tiêu cực, mạng xã hội có liên quan đến nhiều vấn đề khác nhau như vấn đề sức khỏe tâm thần, lo ngại về quyền riêng tư và lan truyền thông tin sai lệch. Nó cũng có thể góp phần gây ra sự cô lập trên mạng xã hội và nghiện mạng xã hội. Vì vậy, mặc dù mạng xã hội có những lợi ích không thể phủ nhận nhưng chúng ta cũng phải thừa nhận và giải quyết những tác động tiêu cực của nó.  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 12 sách ILearn Smart World hay, chi tiết khác:**  
Unit 8 Lesson 1 (trang 85, 86, 87, 88)  
Unit 8 Lesson 3 (trang 93, 94, 95)